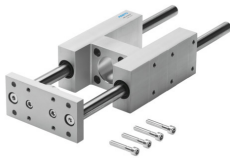


**Dẫn hướng**  
**FENG-80-400-KF**  
Số bộ phận: 34527

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                       | Giá trị                          |
|--------------------------------|----------------------------------|
| Kích thước                     | 80                               |
| Hành trình                     | 400 mm                           |
| Vị trí lắp đặt                 | bất kì                           |
| Dẫn hướng                      | Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn    |
| Cấu trúc xây dựng              | Dẫn hướng                        |
| Chống cháy nổ                  | Lưu ý thông tin trong chứng nhận |
| Tuân thủ LABS                  | VDMA24364-B2-L                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -20 °C...80 °C                   |
| Lực tối đa Fy                  | 2300 N                           |
| Lực tối đa Fy tĩnh             | 3120 N                           |
| Lực tối đa Fz                  | 2300 N                           |
| Lực tối đa Fz tĩnh             | 3120 N                           |
| Thời điểm tối đa Mx            | 170 N m                          |
| Thời điểm tối đa Mx tĩnh       | 231 N m                          |
| Max. Moment My                 | 191 N m                          |
| Thời điểm tối đa của tôi tĩnh  | 259 N m                          |
| Mô-men tối đa Mz               | 191 N m                          |
| Mô-men tối đa Mz tĩnh          | 259 N m                          |
| Lực dịch chuyển                | 40 N                             |
| trọng lượng sản phẩm           | 13510 g                          |
| Kiểu gắn                       | với ren trong                    |
| Ghi chú vật liệu               | Tuân thủ RoHS                    |
| Vật liệu phần tử dẫn hướng     | Thép tôi luyện                   |
| Vật liệu vỏ                    | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa       |
| Vật liệu dầu chạc              | Thép tôi luyện                   |